

NHỮNG CỘT KINH PHẬT HOA LƯ THẾ KỶ X

ĐẶNG CÔNG NGÀ^(*)

I- NHỮNG CỘT KINH ĐÌNH KHUÔNG LIỄN⁽¹⁾

Những cột kinh Đình Khuông Liễn được tìm thấy ở khu vực kinh đô Hoa Lư (ven sông Hoàng Long) lần đầu tiên vào năm 1963, 1964, do dân công đào đất đắp đê. Tất cả có khoảng 20 cột. Và hơn 20 năm sau, năm 1987, 16 cột khác lại được những người đào đất đắp đê Hoàng Long tìm thấy cũng tại khu vực cũ từ bến dò Trường Yên đến Cồn Thần 130 m hướng đông. Như vậy tổng cả 2 lần, trên cùng một địa điểm, đã có gần 40 cột kinh Đình Khuông Liễn được tìm thấy. Năm 1995, một cột kinh khác đã được Bảo tàng Ninh Bình xem xét và sưu tầm, tại một gia đình có nhà ở dưới chân núi Hang Quàn, phía trước cửa đền Đình, hướng đông, 500 m. Gần đây ở khu vực xã Trường Yên nhân dân phát hiện được một số bộ phận của các cột kinh rải rác đó đây và Bảo tàng Ninh Bình đã sưu tầm đưa về nghiên cứu.

Tuy nhiên cho đến nay, tổng số cột được Bảo tàng tỉnh Ninh Bình cất giữ là 20, cùng một cột tàng trữ tại Bảo tàng lịch sử Việt Nam, là 21 cột. Số còn lại đã bị thất lạc từ mấy chục năm nay. Nhưng số cột 21 cũng không đủ đầy cả 6 bộ phận, đa số mất tảng, chóp, bát.

1. Tình hình xuất lộ di tích

Từ năm 1963 trở đi, Công trường đắp đê Hoàng Long đã đào đất bên trong đê, từ độ sâu 10 cm xuống hơn 200 cm so với mặt ruộng, đã xuất lộ nhiều di vật cổ như ngói, gạch, nồi vò gốm, xương trâu bò, đê, cọc gỗ, thóc cháy. Gạch ngói nồi vò mang phong cách nghệ thuật của các giai đoạn lịch sử từ thời Đường, Tống, Đinh Lê cho đến Lý Trần. Đặc biệt một số cột kinh bằng đá bị đổ nằm lộn xộn trong lòng đất ở sâu trên dưới 200 cm. Các cột kinh này sau đó đã được dân công mang lên khỏi hố đào và được đưa về đền Đình - Lê bảo quản. Vì vậy không thể biết được thực trạng ban đầu của chúng trong lòng đất ra sao. Điều có thể khẳng định là tất cả các cột kinh đều bị vùi lấp dưới đất ở khu vực từ phía đông ngã ba đường Nguyễn Văn Trỗi cho tới Cồn Thần trên độ dài khoảng 130 m theo chiều đông tây, phía trong đê Hoàng Long.

2. Những cột kinh Đình Khuông Liễn:

Đây là những di vật đáng quan tâm nhất trong số các di vật tìm thấy ở ven sông Hoàng Long. Theo những người đào đắp đê thì những cột kinh bằng đá được

*. Bảo tàng Ninh Bình

1. Chúng tôi tạm lấy tên Đình Khuông Liễn - chủ nhân của những cột kinh đã phát hiện được - để đặt tên cho các cột kinh thời Đinh.

tìm thấy vào đầu tháng giêng năm 1987, nằm ở một số thùng đào phía tây Côn Thân, ở độ sâu trên dưới 2 mét so với mặt đất trũng ven đê. Có người còn cho biết dưới các thùng đào đó vẫn còn cột kinh nữa.

Số đã đào thấy lần này, kể phần quan trọng nhất của cột kinh - phần thân bát giác có khắc "Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm Đà la ni"- là 15 cột. Nhưng bản thân một cột kinh đầy đủ có tới 6 bộ phận rời khớp nối vào nhau. Đó là tầng vuông, đế tròn, cột bát giác, thốt bát giác, bát, bầu cam lộ. Tính rời như vậy, có tới 33 hiện vật⁽¹⁾ đã được phát hiện, nhưng để lắp đầy đủ thì chỉ đủ cho 2 cột thôi.

a. Kích thước : Các cột kinh không giống nhau, có cột to, có cột nhỏ, có cột cao, có cột thấp. Từng cột kinh với 6 bộ phận rời lắp ráp vào nhau, có kích thước riêng, và của cột nào thì lắp vào cột ấy thôi, không thể lắp thay thế cho cột khác. Vì khi chúng tôi tiến hành lắp ráp, thấy rằng có cột quá to, không cân đối với phần đế, hoặc có cái lại lắp ngang không vừa với lỗ, do đó cột đứng không vững, thậm chí không thể đứng được. Lấy một ví dụ: chiều ngang chiếc cột số 1 đo được từ mặt này sang mặt đối diện là 17,5 cm thì ở cột 15, số đo đó là 11,3 cm, chênh nhau những 6,2 cm, và cho dù cột 15 khi còn nguyên vẹn sẽ lớn hơn hiện trạng, thì số đo đó cũng không tăng được là bao.

Về chiều dài, có các số đo thân cột như sau:

- Cột 1 dài 69 cm - Cột 8 dài 57,2 cm
- Cột 2 dài 63,5 cm - Cột 9 dài 60 cm
- Cột 3 dài 67 cm - Cột 10 dài 62,3 cm
- Cột 4 dài 64 cm - Cột 11 dài 61 cm
- Cột 5 dài 58 cm - Cột 12 dài 61 cm

- Cột 6 dài 64 cm - Cột 13 dài 50 cm

- Cột 7 dài 60 cm - Cột 14 dài 61 cm.

Trên đây là 14 cột còn nguyên chiều dài, riêng cột 15, chỉ còn một phần với độ dài 21 cm.

Nhìn vào bảng thống kê chúng ta thấy thân cột dài nhất là 69 cm, ngắn nhất là 50 cm. Như vậy, số đo ngang cùng đo dọc trong tổng 15 cột, sự chênh lệch lớn nhất là 6,2 và 19 cm.

1. Những bộ phận này đã được đưa về Bảo tàng Ninh Bình . Bộ phận khác tìm được sau này, hiện đang cất tại bờ ruộng ven sông Hoàng Long.

Để có cách nhìn tổng quát, chúng tôi chọn lắp được đầy đủ 2 cột và lấy số đo như sau (cột số 1).

- Tổng chiều cao 141 cm

- Tầng 31 x 31 x 10 cm

- Đế : Kính miệng 28 cm, kính đáy 20,5 cm, cao 10 cm

- Thân : Đo ngang 17,5 dài 69 cm.

- Thốt bát giác: Ngang 25 cm, dày 6 cm.

- Bát đựng hồ lô: Kính miệng 25 cm, kính đáy 16 cm, cao 10 cm.

- Hồ Lô (?) cao 36 cm.

b/- Về văn tự có 2 phần : kinh kệ và lạc khoản.

Số cột	Kinh kệ	Lạc khoản	Tổng
1	422 chữ	141 chữ	563 chữ
2	415 chữ	140 chữ	555 chữ
3	413 chữ	132 chữ	545 chữ

Các cột còn lại còn quá ít chữ không thống kê.

2. Những bộ phận này đã được đưa về Bảo tàng Ninh Bình. Bộ phận khác tìm được sau này hiện đang cất tại bờ ruộng ven sông Hoàng Long.

Phần kinh kệ đã được Giáo sư Hà Văn Tấn nghiên cứu tường tận⁽³⁾, ở đây chúng tôi chỉ đề cập đến phần lạc khoản trong khả năng hiểu biết hiện nay.

Theo bảng thống kê trên, phần lạc khoản cột thứ nhất có 141 chữ, cột thứ 2 là 140 chữ, cột thứ 3 có 132 chữ, so với phần lạc khoản ghi trên cột kinh phát hiện năm 1964 là 43 chữ thì những cột kinh tìm được lần này dài hơn nhiều và nội dung cũng phong phú hơn. Dưới đây là lời dịch nguyên văn nội dung phần văn tự:

Phần lạc khoản:

“Người theo đạo Phật là Suy thành thuận hoá công thân Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, đặc tiến Kiểm hiệu Thái sư, một vạn hộ thực ấp, Nam Việt Vương Đĩnh Khuông Liễn. Nhân vì con trai (của Liễn tôi) đã mất là Đại đức Đĩnh nô tăng nô (vì tôi) không thuận theo trung hiếu để phụng thờ Thượng phụ (Đĩnh Tiên Hoàng) và anh cả (Liễn tôi) lại còn sinh lòng ác phản nghịch. Nếu như Đĩnh nô tăng nô biết yêu quý khoan dung thì người anh hự (như Liễn tôi cũng có thể) bảo ban được, (thì đâu đến nỗi Liễn tôi phải giết nó). Còn như sở dĩ phải giết hại Đại Đức Đĩnh nô tăng nô, là cốt để nước nhà nên việc, giữ mãi phong thái triều đình. Cổ nhân có câu: “Tranh giành nhau chức vị, nhanh tay ắt thắng người”(và) cơ sự đã đến nông nổi (chém giết nhau) này, thật hối hận, bèn xin dựng 100 toà kinh báu (dâng Phật) cầu cho vong hồn em trai đã mất và các vong linh gia tiên

cùng lúc được giải thoát sự bắt bớ tra hỏi nơi địa ngục.

Đầu tiên (Liễn tôi) kính chúc Đại thắng minh hoàng đế (Đĩnh Tiên Hoàng) mãi mãi trấn giữ trời nam, vững vàng ngôi báu, thứ đến Liễn (tôi) cũng được giữ trọn tước lộc, quyền vị”

Riêng dòng Lạc khoản trên cột kinh tìm thấy năm 1962, hiện đang trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, được Hà Văn Tấn giới thiệu, chỉ có 29 chữ là “ [] [] nhất thiết [] [] [] lương nhân siêu [] hạ thoát. Thời Quý Dậu.

Quý Dậu tuế đệ tử Tĩnh hải quân tiết [] [] Nam Việt Vương Đĩnh [] Liễn kính tạo bảo tràng nhất bách toạ.....” (Năm Quý Dậu (973), người tín đồ Phật giáo Tĩnh hải quân tiết độ sứ Nam Việt Vương Đĩnh [] Liễn đã dựng một trăm bảo tràng, (*Nghiên cứu lịch sử số 76, 1965*).

Nay chúng tôi xem lại thì phần lạc khoản còn tới 43 chữ xin dẫn: “Ngộ hối nhất thiết tiên linh mộc tượng lương nhân siêu linh hạ thoát. Thời Quý Dậu tuế, đệ tử Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ Nam Việt Vương Đĩnh Khuông Liễn kính tạo 100 toà kinh tràng cầu mong cho vong linh người chết được siêu thoát).

Phần kệ:

“...Trong điện Hoa sen, đức Phật chiến thắng tối cao ngôi trên toà Kim cương.

3. Hà Văn Tấn. *Chữ trên đá, chữ trên đồng - Minh văn và lịch sử*, H. 2002.

Lời nói của Phật lan xa khắp ba ngàn thế giới. Công đức của Phật như cát sông Hằng... Những câu những đoạn tuyệt diệu trong dấu đức Phật được chín mươi chín ức Như Lai truyền đi, để Thích lại truyền cho Thiện Trú, và nhờ đó diệt được cái nghiệp chướng bấy lần thác sinh làm cầm thú. Nếu giữ phép tổng trì của một giáo, thì sẽ nảy sinh tám lòng quảng đại sáng suốt trọn vẹn. Ta nay hoàn toàn là một kẻ phạm tục, chỉ biết ca tụng phép tổng trì của một trí tuệ mệnh mông hoàn thiện. Tất cả mọi phúc lợi đều được đem đến cho chúng sinh. Đức Phật Như Lai ở khắp mười phương, các bồ tát ở nhiều thế giới khác... đại tướng tán chi và lữ quĩ dạ xoa của ông, vị chúa cõi đất âm ty là diêm vương cùng với hai đồng tử là bộ quan chủ việc thiện và việc ác..., tất cả khi nghe lời cầu xin đều xuống cõi trần giúp cho Phật pháp tồn tại lâu dài và khiến mọi người chuyên cần làm theo giáo pháp của đấng thế tôn. Khi nghe tiếng của Phật đỉnh tôn Thắng vương, mọi vật sống đều rung động và trở thành Phật”.

Phần kinh:

Kinh Phật đỉnh tôn thắng gia cú linh nghiệm đà la ni viết:

Nam mô thế tôn, đấng thế tôn đại giác cao cả của tam giới như vậy. Thanh tịnh, thanh tịnh toả sáng khắp nơi thanh tịnh của tự nhiên tràn đầy rừng rậm. Hãy rước nước phép cho tôi hồi đấng thiện thế tối cao. Hãy rước cho tôi nước cam lồ bất tử. Hãy ban cho tôi, ban cho tôi tuổi thọ. Thanh tịnh, thanh tịnh, cái thanh tịnh hư không. Thanh tịnh của Phật đỉnh tôn thắng với nghìn ánh sáng làm con

người kinh động mà giác ngộ. Thần lực của các đấng Như Lai nắm giữ đại ấn. Kim cương bao phủ, con người thanh tịnh, thanh tịnh khi mọi trở ngại và nghiệp chướng tiêu tan. Thanh tịnh tuổi thọ tăng. Thế nguyện giữ gìn bảo pháp. Cõi chân như tràn đầy muôn nghìn thanh tịnh. Thanh tịnh, trí giác hiện rõ. Tối thắng, tối thắng, tối thắng. Tưởng niệm, tất cả chư Phật nắm giữ thanh tịnh. Hồi đấng kim cương tạng, tôi (Khuông Liễn) cầu nguyện đạt đến Kim cương. Tất cả chúng sinh thanh tịnh, tất cả định mệnh thanh tịnh, tất cả các đấng Như Lai an ủi, khiến được giác ngộ, giác ngộ, giác ngộ. Thanh tịnh khắp nơi. Thần lực của tất cả các đấng Như Lai nắm giữ đại ấn Svehā⁽⁴⁾.

Những sử liệu mới rút ra từ nội dung ghi trên các cột kinh Đỉnh Khuông Liễn

Từ những cột kinh Hoa Lư phát hiện lần này cho phép rút ra mấy điểm sau:

1. Phần kinh được ghi trọn vẹn trên 6 mặt từ mặt 1 đến mặt 6, và sang một phần của mặt thứ 7 của mỗi cột. Phần còn lại của mặt 7 và toàn bộ mặt thứ 8 ghi những dòng lạc khoản. Như vậy phần văn tự ghi trên các cột chủ yếu là bài thần chú Đà la ni. Và qua bảng thống kê số chữ ghi kinh và chữ lạc khoản ở trên cũng cho thấy điều đó. Phần lạc khoản chỉ chiếm tỷ lệ khoảng 1/3 phần kinh. Cụ thể tỷ lệ đó ở 3 cột 1,2,3 là : 141/422, 140/415, 132/413.

Tuy nhiên, so với dòng lạc khoản trên cột kinh tìm thấy cách đây hơn 20 năm (43 chữ) thì phần lạc khoản ở những cột kinh tìm thấy lần này không phải ít, mà gấp tới hơn 3 lần, đó là so sánh số lượng.

4. Phần lạc khoản do Dương Văn Vượng dịch, phần kinh kệ do Giáo sư Hà Văn Tấn dịch.

Các câu kệ khắc trên cột kinh Đinh Khuông Liễn chủ yếu là ca ngợi tài trí và công đức của Phật, và kêu gọi mọi người hãy làm theo những lời nói của Phật (ở đây là bài thần chú) để được thoát khỏi kiếp luân hồi bầy lặn làm thác sinh làm cầm thú, và trở thành Phật. Phải tuyên truyền ngàn vạn lần Phật pháp khắp chúng sinh.

Nội dung bài thần chú Đà la ni cơ bản là tăng bốc đề cao hai chữ thanh tịnh (trong sạch và yên tĩnh) thanh tịnh sẽ đem đến nước phép, nước cam lồ, tuổi thọ, thanh tịnh giúp con người giác ngộ, mọi trở ngại và nghiệp chướng sẽ tiêu tan, con người sẽ chiến thắng tất cả, v.v...

Như thế việc Đinh Khuông Liễn cho dựng nhiều cột kinh có bài thần chú đề cao chữ thanh tịnh chứng tỏ bản thân ông ta trong đời sống tâm linh, trong cuộc sống vật chất, thiếu sự trong sáng và yên ổn, mà về mặt trần tục thì đã rõ: lúc bị đem làm con tin trong triều đình Cổ Loa (con tin là một dạng tù giam mà bất cứ lúc nào cũng có thể bị hành quyết), lúc bị treo lên ngọn sào ở cửa động Hoa Lư để có thể làm điểm ngắm của cả hai chiến tuyến, lúc lại bị vua cha, vì tình riêng không phong làm thái tử để kế vị ngay vàng sau này mà ông đáng được hưởng.

a. Tên tuổi và chức tước của người dựng cột kinh.

Sử cũ ghi nhân vật này là Đinh Liễn, cột kinh tìm thấy khoảng năm 1963 - 1964, những người giới thiệu nó cho biết

tên Đinh Quốc Liễn, nhưng chữ "quốc" mờ, đoán đọc thôi. Thì nay, chúng ta biết chắc chắn tên nhân vật này là Đinh Khuông Liễn, ở đây tác giả phần lạc khoản cũng tự nhận mình, như sử cũ ghi - là con trưởng của Đinh Tiên Hoàng.

Theo Toàn Thư thì năm 967 Đinh Khuông Liễn được phong chức Tiết độ sứ, năm 969 được phong Nam Việt Vương, năm 973 được vua Tống phong là Kiểm hiệu Thái sư Tĩnh Hải quân Tiết độ sứ, An Nam đô hộ, năm 975 vua Tống gia phong chức Khai Phủ nghi đồng tam ty Kiểm hiệu Thái sư Giao Chỉ quận vương.

Nay đọc những dòng lạc khoản trên cột kinh, chúng ta biết chắc chắn chức tước của Đinh Khuông Liễn là: Suy thành thuận hoá công thân Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, đặc tiến Kiểm hiệu Thái sư Nam Việt Vương. Và Liễn được ăn lộc một vạn hộ thực ấp.

b. Lí do dựng cột kinh:

Đinh Khuông Liễn dựng cột kinh để làm gì?

Cột kinh thứ nhất tìm thấy năm 1963 - 1964, với dòng lạc khoản ngắn, thì thấy rằng lí do dựng cột kinh của Đinh Khuông Liễn chưa có gì đặc biệt lắm nhưng đã là một sự sám hối rồi.

Sử cũ cho chúng ta biết rằng cuộc đời Đinh Khuông Liễn đầy biến động từ thừa còn hàn vi cho đến lúc đất nước thuộc về dòng họ mình. Lúc trẻ có một thời bị làm con tin ở hai vương Xương Văn, Xương Ngập, để có lúc bị hai vương treo lên cây sào doạ bắn và suýt bị cha mình bắn chết. Đến lúc tưởng rằng ngôi vua sẽ thuộc về mình, thì lại bị sự tồn tại của đứa em đe doạ, và để giành giật lại, Liễn

sai người giết em, rồi chung cục đến lượt bản thân bị chết một cách bất đắc kỳ tử cùng với vua cha khiến cho cơ nghiệp họ Đinh sau 12 năm tồn tại ngắn ngủi đã sang tay dòng họ Lê.

Khi chưa giết em trai, Liễn đã có những việc làm hoặc ý nghĩ không bình thường buộc phải dâng cúng nhà chùa cột kinh sám hối. Nhưng giết em rồi, Liễn dâm ra hối hận và lo sợ hơn. Đó là lý do dựng tiếp các cột kinh Đà la ni: cầu cho vong hồn em trai đã mất và cầu chúc cho chính bản thân mình cùng vua cha vững vàng ngôi báu, bổng lộc. Chúng ta có thể chia phần lạc khoản nói về lý do dựng cột kinh ra làm 4 vấn đề.

- Đinh Khuông Liễn kể tội em trai, nguyên văn là "nhân vì em trai đã mất là Đại đức Đinh nô tăng nô, không thuận theo trung hiếu phụng thờ vua cha cùng anh cả, lại còn sinh lòng ác phản nghịch.

- Nếu như yêu quý khoan dung, thì người anh hừ (Đinh Khuông Liễn, cũng có thể) bảo ban được.

- Liễn cầu mong cho vong hồn em trai đã mất cùng vong linh tiên tổ: "Nay (hối hận về việc làm đó của mình, Liễn tôi) nguyện xin dựng 100 toà kinh báu (dâng lên Phật) cầu cho vong hồn người em trai đã mất và các vong linh gia tiên cùng lúc được giải thoát khỏi sự bắt bớ dưới địa ngục".

- Liễn cầu chúc cho vua cha và chính mình: "Đầu tiên (Liễn tôi) kính chúc Đại Thắng Minh hoàng đế (tức vua cha Đinh Bộ Lĩnh) mãi mãi trấn giữ trời Nam, thường được vững vàng ngôi báu, thứ đến Khuông Liễn (tôi) thường được vững

vàng tước lộc quyền vị" "thứ vi khuông tá đế đồ" (tiếp theo là vì sự phò rập cơ đồ nhà vua).

c. Những vấn đề về con người và chính sự dưới triều Đinh:

- Theo đây, Liễn có một người em trai là Đại đức Đinh nô tăng nô. Vị đại đức này là ai vậy ? Sử cũ chỉ ghi tên hai người em trai của Liễn là Toàn và Hạng Lang, không ai có tên là Đinh nô tăng nô. Còn cột kinh lại không ghi tên người em trai bị Liễn giết là Toàn hay Hạng Lang. Theo sử cũ thì Liễn giết người em Hạng Lang. Vậy Hạng Lang là người mà Liễn gọi (theo cột kinh) là đại đức Đinh nô tăng nô? Đó là bút hiệu của Hạng Lang chăng?

- Hạng Lang lúc bị giết còn nhỏ tuổi. Sử cũ không ghi Hạng Lang sinh năm nào, nhưng căn cứ vào tuổi của người anh là Đinh Toàn (sinh năm Giáp Tuất - 974) thì Hạng Lang, cho dù cũng sinh năm đó nhưng thua ngày thua tháng, lúc chết (năm Kỷ Mão - 979) cũng mới chỉ có 5 tuổi. Đó là chưa kể Hạng Lang còn có thể sinh muộn hơn nữa. Bốn năm tuổi đã biết gì việc đạo, việc đời mà Đinh Liễn tôn xưng là "đại đức"? Và ở cái tuổi ấu thơ đó, Hạng Lang làm được gì mà bị anh cả khép tội "không thuận theo trung hiếu phụng thờ Thượng phụ và anh cả, lại còn sinh lòng ác phản nghịch"? Đây chỉ có thể là lời luận tội mà người xứng đáng nhận là ông vua cha, đặc biệt là câu "yếu thành gia quốc, vĩnh bá môn phong". Chúng ta hãy nghe sử thần Ngô Sĩ Liên bàn "Nối nghiệp dùng con đích là đạo thường muôn đời: làm trái đạo thường ấy, chưa bao giờ là

không gây loạn. Cũng có khi nhân đời loạn, lập thái tử trước hết lấy người có công, hoặc con đích trưởng quá ác thì bỏ mà lập con thứ, đó là ở lúc biến mà làm cho đúng, người xưa vẫn làm thế. Nam Việt vương là con trưởng lại có công, chưa thấy có lỗi gì. Tiên hoàng lại yêu con nhỏ mà quên con đích, chỉ biết tỏ tình yêu quý, mà không biết làm như thế thành hại cho con, v.v...⁽⁵⁾ “Yếu thành gia quốc, vĩnh bá môn phong” (cốt để nước nhà nên việc, giữ được phong thái triều đình lâu dài) mà như vậy thì Đinh Tiên Hoàng đã không còn sáng suốt nữa.

Vậy thì tại sao ông vua Đinh lại đối xử với Đinh Liễn như thế. Liệu có thể đã có những thế lực bên ngoài tác động, can thiệp vào nội bộ cha con vua Đinh? Những sự can thiệp này đã làm cho ông bố bỏ con trưởng mà lập con thứ, và Đinh Liễn giết em. Cũng những thế lực không thuộc dòng dõi họ Đinh đó cuối cùng đã “sang tên” triều đình Đại Cồ Việt cho dòng họ Lê. Dù sao thì phải nói một cách dứt khoát rằng chính sự triều Đinh vào thời điểm này là rất căng thẳng và bức bối. Không phải ngẫu nhiên mà vua Đinh đặt vạc dầu, nuôi hổ báo để trị người, cũng không bình thường chút nào về chung cục cha con vua Đinh. Đúng như lời sấm vĩ lan truyền vào năm Thái Bình thứ 5 (974). “... Cạnh dầu đa hoành tử, đạo lộ tuyệt nhân hành...” (tranh nhau nhiều kẻ chết, đường sá người vắng tanh), và cũng như lời cổ nhân mà Đinh Liễn dẫn ra trong cột kinh: “Tranh quan bất nhượng vị, tiên hạ thủ vi lương” (tranh giành nhau chức vị, nhanh tay ắt thắng người). Điều này lại càng có cơ sở khi ta nhớ tới nội dung bài thần chú đã

la ni: toàn bộ bài thần chú được nhắc đi nhắc lại nhiều lần lời khấn cầu thanh tịnh: thanh tịnh, thanh tịnh toả sáng khắp nơi,... thanh tịnh cho mọi trở ngại và nghiệp chướng tiêu tan, thanh tịnh, tuổi thọ tăng, thanh tịnh, trí giác hiện rõ,... Bản thân triều Đinh nói chung và Đinh Liễn nói riêng đã thiếu cái thanh bình yên tĩnh, cho nên ông ta mới cho khắc bài thần chú mà cầu mong cho dòng họ nhà mình được “thái bình” như cái niên hiệu mà ông vua cha đặt nhưng chưa từng đạt được, và không bao giờ đạt được, dù rằng trong cột kinh, sau khi cầu nguyện cho vong linh người đã mất, Đinh Liễn không quên cầu chúc cho vua cha “Vĩnh trấn thiên nam, hằng an bảo vị, thứ vi Khuông Liễn hằng kiên lộc vị”. Lời cầu chúc đó chưa lâu thì đã xảy ra thảm kịch “Đỗ Thích thí Đinh Đinh” (Đỗ Thích giết hai Đinh).

d. Niên đại cột kinh:

Cột kinh tìm thấy 20 năm trước đây cho biết được dựng vào năm 973. Những cột kinh phát hiện lần này tuy không đề rõ niên hiệu, nhưng qua sự kiện cầu mong cho em trai đã chết, có thể biết rằng niên đại của chúng là trong khoảng từ mùa xuân năm Kỷ Mão (979) khi Liễn giết Hạng Lang, đến mùa đông, tháng 10 năm đó, khi Đỗ Thích giết vua Đinh lẫn con trưởng vua. Trước quãng thời gian này chưa xảy ra việc giết Hạng Lang, sau đó thì Liễn không còn nữa.

Như thế, có thể nghĩ rằng 100 toà kinh báu không phải được dựng một lúc - vào năm 973 - mà rải ra từ niên điểm đó cho tới cuối năm 979 (6 năm ròng). Liệu Liễn đã kịp dựng đủ 100 cột trước khi chết

chưa? Hiện nay mới chỉ biết được gần một nửa số đó. Hi vọng rằng vấn đề sẽ được sáng tỏ hơn với những phát hiện mới.

5. *Đại Việt sử ký tiền biên*. Nxb KHXH 1999, tr. 157.

Dù sao qua đây cũng đã thấy rằng Khuông Liễn khắc kinh vào hai thời điểm khác nhau về bối cảnh chính trị xảy ra trong Triều Đinh, thời điểm 973 (hoặc trước nữa) và sau năm 973 cho tới năm 979.

II - CỘT KINH CHÙA NHẤT TRỤ

Chùa Nhất Trụ nằm ở thôn Yên Thành xã Trường Yên, cách đền Lê phía đông bắc 250m, cách địa điểm có cột kinh Đinh Khuông Liễn ở ven sông Hoàng Long phía đông nam 1250m đường chim bay. Phía trước cửa chùa (hướng tây) có một cột đá đứng độc lập như cây nêu, biểu tượng cho chùa, và vì thế người ta mới gọi là “Nhất Trụ Tự” (chùa có một cột đá). Vì vậy, chúng tôi mệnh danh là cột kinh này là “Cột kinh chùa Nhất Trụ”.

1. Kiến trúc.

Cột được làm bằng đá xanh, rất sần trong vùng. Gồm sáu bộ phận gá lắp vào nhau, về hình dáng giống hệt cột kinh Đinh Khuông Liễn. Trừ phần đỉnh (chóp) bị mất khoảng 70 năm nay, được thay bằng một búp sen xi măng, năm bộ phận còn lại có hình dáng và số đo như sau:

- Tầng gần vuông mỗi cạnh 140cm, dày 30cm, lỗ mộng tròn chính giữa, đường kính 29cm, sâu 5,5cm. Bao quanh lỗ mộng là một vòng cánh sen đơn 22 cánh với đường kính vòng là 107cm, chiều dài mỗi cánh sen xê dịch từ 15 đến 17cm, rộng ngang từ 10,5cm đến 13cm.

- Đế tròn, trên to dưới nhỏ, đường kính dưới 66cm, phía trên 76cm, dày 32,5cm. Bên dưới đế có ngõng tròn đường kính 15,5cm dài 3,5cm. Lỗ mộng trên có đường kính 34,5 cm, sâu 9 cm.

- Thân bát giác, đường kính 61 - 62 (phía dưới) và 65 cm (phía trên) các mặt rộng 25 - 30cm, dài 237cm. Trên các mặt khắc kinh, kệ, lạc khoản bằng chữ Hán. Hai đầu cột đều có ngõng tra vào đế và thốt, ngõng dưới có đường kính 16cm, dài 5cm, ngõng trên đường kính 18cm, dài 6cm.

- Thốt bát giác, số đo qua tâm từ mặt này sang mặt đối diện là 69cm, dày từ 10-13cm. Mặt dưới phẳng, mặt trên có lỗ mộng tròn đường kính 31cm, sâu 7cm.

- Đấu tròn, đường gờ miệng uốn lượn tạo thành 8 đỉnh nhọn. Chính giữa có có mặt phẳng tròn để dựng chóp. Bên dưới thu nhỏ hơn đường kính của thốt, mặt trên phình to với đường kính tương tự thốt. Chiều cao của đấu đo ở đỉnh các cánh là 26cm.

- Chóp đã bị mất, và được thay bằng một búp sen xi măng, nhưng căn cứ vào kiểu dáng 5 bộ phận còn lại, thì cột đá này có hình dáng hoàn toàn giống các cột đá Đinh Khuông Liễn, vì vậy phần chóp chắc chắn cũng giống nhau, nghĩa là chóp không phải búp sen mà là cái hồ lô đựng nước ngọt từ trời cao nhỏ xuống. Theo tỉ lệ đo được ở cột kinh Đinh Khuông Liễn, có thể ước đoán chóp cột kinh này dài khoảng 80cm, đường kính đáy khoảng 30cm.

Tóm lại, cũng giống cột kinh Đinh Khuông Liễn, cột kinh chùa Nhất Trụ gồm sáu bộ phận gá lắp vào nhau bằng

mộng tròn, và hoàn toàn không có chất kết dính, nhưng khá vững vàng. Bản thân cột chùa Nhất Trụ tuy bị nghiêng về phía bắc 7cm so với trục thẳng đứng, nhưng nó vẫn đứng vậy dưới gió mưa từ bao đời nay mà không đổ. Tổng chiều cao của toàn cột vào khoảng 416cm. Tuy nhiên ở vị trí ban đầu, lúc toàn bộ tầng và đế bị ngập chìm dưới đất thì cột bị thấp đi nhiều. Phía ngoài đường (hướng tây) quãng giữa cột bị vỡ một mảng lớn, mà theo nhân dân nói lại, thì do mảnh pháo của quân Pháp bắn vào. Điều khác với cột kinh Đình Khuông Liễn là ở đây tầng có trang trí cánh sen vòng quanh đế cột, còn tầng các cột kinh Đình Khuông Liễn không có.

2. Phần văn tự

- Trên 8 mặt thân cột đá đều khắc chữ Hán, nhưng có lẽ do mưa nắng hoặc vì lí do nào đấy mà nửa dưới thân cột không còn chữ, chỉ có nửa trên là còn chữ nhưng cũng không đầy đủ, và có chỗ bị mờ khó đọc. Trong số này, chỉ còn năm mặt còn rõ chữ, ba mặt còn lại bị mờ hoàn toàn.

- Cũng giống cột đá Đình Khuông Liễn, phần văn tự cột đá này gồm lạc khoản, kệ, kinh.

- Mặt ngoảnh về phía tây còn khoảng 170 chữ, tương đối rõ ràng. Dòng cuối cùng còn đọc được như sau: "Bát nhĩ tiên viết hải chi ba huê hương... Đại Thánh Minh hoàng đế Lê tổ tự thừa thiên mệnh đại định sơn hà thập lục niên lai..."

- Theo chiều quay kim đồng hồ, ba mặt tiếp theo bị mờ hoàn toàn, không đọc được chữ nào.

- Mặt thứ năm quay vào chùa, hướng đông, là những câu kệ rõ nhất trong toàn cột. Nếu còn đầy đủ, toàn cột có thể có tới 10 khổ kệ, nhưng nay chỉ còn 6 khổ, mỗi khổ có 5 dòng, mỗi dòng 7 chữ, và như vậy tổng số sáu khổ này là 210 chữ. Nếu còn đầy đủ và nằm trên một mặt, thì tổng số từ 350 - 400 chữ. (Theo Giáo sư Hà Văn Tấn thì phần kệ chỉ đọc được 3 câu cuối, xem các chú 1,2,3 ở dưới).

- Mặt thứ sáu, có thể là phần kinh (chú), có 4 dòng, số chữ mỗi dòng còn 44, vị chi tất cả còn $4 \times 44 = 176$ chữ. Nếu còn đầy đủ, ước 340 chữ.

- Mặt thứ bảy, có 5 dòng, nhưng dòng một mờ hoàn toàn, 4 dòng còn lại có thể đọc tuy rất mờ khoảng 100 chữ.

- Mặt thứ tám, nhìn về đền Lê (hướng tây nam) còn 6 chữ "Đệ tử Thăng Bình hoàng đế..."

Tóm lại phần văn tự không thể đọc trọn vẹn nội dung, nhưng biết chắc chắn có ba phần: kệ, kinh, lạc khoản. Tổng số chữ còn có thể đọc hoặc nhận dạng được là hơn 1200 chữ, và toàn bộ ước có tới 2500 chữ. So với cột kinh Khuông Liễn, cột nhiều nhất có 563 chữ, thì số chữ cột kinh này nhiều gần gấp 5 lần. Dưới đây là phiên âm, dịch nghĩa phần văn tự còn có thể đọc được.

Khế thủ phóng quang Đại Phật đỉnh

Như lai vạn hạnh Thủ Lăng nghiêm.

Khai vô tướng môn [] [] []

...

Bất trì trai giả thị trì trai

Bất trì giới giả thị trì giới

Bất vạn tứ thiên kim cương chúng

...

[] sử [] lị bất vi quá []

Chư thiên giai văn Đà ngữ thanh⁽⁶⁾

6. Giáo sư Hà Văn Tấn phiên là: Chư thiên thường văn Phạm giữ thanh (Các thiên thần thường nghe âm thanh).

Thần thông biến hoá bất tư lường

...

Nhân niệm Phật đỉnh Đà la ni⁽⁷⁾[] đặc Phật túc thanh văn ngã niệm⁽⁸⁾

...

Thắng bằng tát na yết la hổ tà đô []
ung [] đô la thi để nam lợi [] ha sa ha ...

[] bà lợi la ta [] [] ca ma ha bạt la [] đà
la để lợi tát ba na [] [] la...

3. Yết la bà da [] sắt [] bà dạ ha [] di bà
dạ a ca la mật lợi đồ bà dạ đà...

Yết la [] bộ đa yết la⁽⁹⁾...

...

Đệ tử Thăng Bình hoàng đế..

Bát nhả tiên việt hải chi ba huê hương
[] Đại Thánh Minh hoàng đế, Lê tổ tự
thừa thiên mệnh đại định sơn hà thập lục
niên lai...

Dịch nghĩa:

...

Cúi đầu toả hào quang ra từ đỉnh đầu
của vị phật lớn.

Hàng vạn đức hạnh của Như Lai đều
bền vững.

Mở cửa vô tướng ...

Không giữ việc trai mới là giữ trai

Không giữ điều giới mới là giữ giới

Tám vạn bốn nghìn vị Kim Cương

...

[] khiến cho [] chửi rửa không nề vì
quá đáng

Tại các tầng trời cũng đều nghe tiếng
Đà la ni

Thần thông biến hoá không thể lường
hết được

Thong thả tụng niệm Đà la ni Phật
đỉnh

[] Phật nghe thấy [] [] tiếng tụng niệm
của ta⁽¹⁰⁾

...

Người theo đạo Phật là Thăng bình
hoàng đế...

Thuyền bát nhả trước vượt sóng biển,
mang về bản hương (kinh), [kể từ khi]
Đại Thánh Minh hoàng đế tổ họ Lê, tự
mình kế tiếp mệnh trời, cả định non sông
đến nay là 16 năm...

3 - Một số nhận xét***a. Về loại hình kiến trúc:***

Qua nghiên cứu sự xuất lộ các cột
kinh Khuông Liễn, cột kinh tại ao bà Tân
dưới chân dãy núi Hang Quàn và cột
chùa Nhất Trụ, thấy rằng chúng đều có
cùng kiểu dáng, chất liệu, có thể gọi là
hoàn toàn giống nhau: đều có 6 bộ phận
gá lắp vào nhau, trong đó tầng vuông là
bộ phận dưới cùng, đỡ 5 bộ phận khác
đứng trên đó⁽¹¹⁾. Mỗi cột kinh có một tầng
và chúng tồn tại độc lập, không phụ
thuộc vào cột kinh khác cũng như bất cứ

7. Giáo sư Hà Văn Tấn phiên: Văn niệm Phật đỉnh
đà la ni (Nghe tụng niệm Phật đỉnh Đà la ni).

8. Giáo sư Hà Văn Tấn phiên: Tắc đặc cụ túc trai... giới
(thì được đầy đủ trai giới). Như đã đề cập, bài kệ này chỉ
được Giáo sư Hà Văn Tấn giới thiệu 3 câu như các chú
1, 2, 3 ở trên. Dẫn theo sách: *Chữ trên đá, chữ trên đồng*
- Minh văn và lịch sử, H. 2002, tr. 103.

9. Các ô vuông [] là ký hiệu chữ bị mất, ba chấm... là ký hiệu mất nhiều chữ. Có tất cả 155 chữ ghi lại được trong số 1200 chữ có thể đọc được.

10. Mới đây tại khu vực phía trước đền Đình - Lê tìm được một cột kinh có kích thước và kiểu dáng giống như các cột kinh Đình Khuông Liễn, nhưng các bộ phận được làm liền khối.

11. Sử cũ ghi lại rằng, năm 977 động đất, năm 979 có bão lớn, năm 998 động đất 3 ngày. Xem *Đại Việt sử ký Toàn thư*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, H. 1993.

gì khác. Như vậy nền đất dưới tầng phải chắc và bằng phẳng, không lún, còn các bộ phận trên tầng phải chế tạo sao cho trọng lực rơi đúng vào tâm tầng theo chiều thẳng đứng, vì tỷ lệ giữa chiều cao của cột và chiều rộng của tầng chênh nhau khá lớn (tỷ lệ đó của cột kinh Khuông Liễn là 141 / 30 cm, tức chiều cao gấp gần 5 lần chiều rộng của tầng, cột kinh chùa Nhất Trụ là 416 / 140 cm, chiều cao gấp gần 3 lần chiều rộng của tầng). Cột đứng chơi vơi trên mặt đất, các bộ phận gá lắp vào nhau không có chất kết dính, lại còn chịu tác động của gió mưa, bão lụt, của động đất. Tuy nhiên, trừ cột chùa Nhất Trụ cao to nặng nề, còn các cột kinh Khuông Liễn, nếu bị đổ, có thể dựng lại một cách dễ dàng. Gọi là cột kinh vì trên 8 mặt của bộ phận chính - thân cột, người xưa khắc đầy kinh kệ bằng chữ Hán. Về kết cấu hình dáng cột kinh, ngoài chức năng sử dụng (bền vững và tiện lợi) còn thể hiện thẩm mỹ, quan niệm tâm linh nào đấy (chẳng hạn tầng vuông, đế tròn, thân bát giác...) nhưng riêng phần đỉnh (chóp) thực ra gọi là hồ lô không biết có chuẩn xác không, vì nó không giống lắm với các hồ lô mà ta vẫn thấy trong các kiến trúc tôn giáo khác. Hồ lô, nậm rượu, bầu cam lộ, theo quan niệm nhà Phật, là thứ dùng để hứng nước ngọt, hoặc đựng thứ nước có

thể dập tắt mọi dục vọng ham muốn trần tục của con người. Có lẽ đỉnh cột kinh cũng là một thứ hồ lô chẳng? Bởi vì trong bài thần chú Đà la ni, hai chữ "thanh tịnh" được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, mà muốn thanh tịnh, thì phải diệt mọi ham muốn dục vọng. Bầu cam lộ trên cột kinh, phải chăng là một biểu hiện khác, dưới dạng kiến trúc, của nội dung bài thần chú Đà la ni được khắc trên thân cột?

b/ - Về nội dung văn tự:

Bằng vào những dòng chữ còn lại trên cột kinh chùa Nhất Trụ, chúng ta biết chắc rằng các lạc khoản lẫn kệ và chú ở cột kinh này và cột kinh Khuông Liễn không giống nhau, không là một. Bài kệ cột kinh Khuông Liễn, ca ngợi tài đức của phật Như Lai, ca ngợi phép Tổng Trì (tức Đà la ni) thì bài kệ (phần còn lại) của cột kinh chùa Nhất Trụ, trước khi ca ngợi sự linh nghiệm của thần chú Đà la ni, lại nhắc đến kinh Thủ Lăng Nghiêm. Tuy vậy, về cơ bản, cả hai bài kệ ở hai cột kinh (phần còn lại) đều nhắc đến kim cương, đến Phật đỉnh, đến phật Như lai. Còn bài thần chú, chỉ còn 61 chữ, nên khó mà biết một cách tường tận nội dung. Theo kinh Lăng Nghiêm thì bài thần chú này gọi là Lăng Nghiêm chú, hay Phật Đỉnh chú và có 427 câu, trong đó 8 câu cuối cùng là tâm chú, và nếu chữ cuối cùng của thần chú Đà la ni là Sà - và - hà (viên mãn, may mắn) thì chữ cuối cùng của Lăng Nghiêm chú là Maha (to lớn, bao trùm).

Hai câu đầu của bài kệ cột đá chùa Nhất Trụ: Khế thủ phóng quang Đại Phật đỉnh, Như lai vạn hạnh Thủ Lăng

Nghiêm, chính là viết tắt của kinh Lăng Nghiêm. Nguyên văn như sau: Đại Phật đĩnh Như Lai mật tu chứng liễu nghĩa chư bồ tát vạn hạnh Thủ Lăng Nghiêm. Kinh này do Bát mật lật để đời Đường dịch, 10 quyển, có nghĩa là: làm sáng tỏ tâm tính bản thể, văn nghĩa đều rất tinh diệu, thuộc Bí mật (chân ngôn) bộ của Đại thừa. Không có phép nào là không đầy đủ, không có cơ duyên nào là không thụ nhiếp. Đây là pháp môn quan trọng để học đạo Phật. Thủ Lăng Nghiêm là cách dịch cũ của người Trung Quốc, từ chữ phạn Suramgama, ngày nay người ta dịch là Thủ lăng già ma, vì nghĩa của chúng là kiện tướng, kiện hạnh, nhất thiết sự kính. Kiện tướng là muốn chỉ đức hạnh của Phật vững chắc. “Bồ tát có được thủ lăng già ma tam muội, có thể đem 3000 đại thiên thế giới bỏ vào trong hạt cải, mà tất cả núi sông, mặt trời mặt trăng và các tinh tú vẫn hiện ra như cũ, không thấy chật hẹp. Điều ấy chứng tỏ cho chúng sinh rằng sức mạnh của Thủ Lăng Nghiêm tam muội là không thể tưởng tượng được”⁽¹²⁾. Tuy kinh này không được chép vào trong bốn bộ Đại tạng Đường Tống Nguyên Minh, và có sự tranh luận thật giả, nhưng nó được ca ngợi là chỉ nam của tôn giáo, thâm tóm tính tướng, là cốt tủy của nhất đại pháp môn, là chính ấn thành Phật thành tổ⁽¹³⁾.

Để đọc Lăng Nghiêm chú, còn gọi Lăng già (viết tắt của chữ Thủ lăng già ma) chú, người ta chọn một người có giọng tốt, gọi là Lăng Nghiêm đầu. Sau khi tuyên sớ xong, vị này xưng: Lăng Nghiêm, mọi người hoà theo, xong lại ngân tiếng phạn lên, rồi xưng niệm lời tựa đầu kinh, sau đó mới bắt đầu đọc chú⁽¹⁴⁾.

Tóm lại, cả kinh Đà la ni và Lăng Nghiêm đều thuộc Mật tông, Bí mật tông, tức tôn chỉ của Mật giáo. Cả hai kinh đều có phần thần chú lời lẽ bí mật, được coi là có sức linh thiêng rất lớn, có thể trừ được mọi khổ não sinh tử, mọi ác nghiệp tiền kiếp và mọi khổ hình địa ngục, tăng tuổi thọ, được thiên thần bảo vệ, bồ tát phù hộ... Cả hai kinh khắc trên cột đá Hoa Lư đều dựa theo bản dịch chữ Hán đời Đường (Trung Quốc). Để dễ hiểu, dưới đây xin trở lại ý nghĩa của các chữ Đà la ni và Thủ Lăng Nghiêm.

- Đà la ni (Dharani) còn gọi là Đà la na, Đà lân ni, có nghĩa là Trì (giữ) Tổng trì (giữ tất cả), Năng trì (có sức giữ gìn), Năng già (có sức che lấp). Sức giữ gìn không để cho thiện pháp bị tán loạn, ngăn che các ác pháp khiến chúng không nảy sinh. Có hai cách giải thích về con người và về pháp: về con người, Đà la ni là định lực của chủ Phật và bồ tát, có thể trì giữ được công đức của Phật chú, cho nên gọi là trì, về pháp, đó là câu nói thần chú, tổng trì vô lượng văn nghĩa, vô tận công đức, ở trong một pháp trì tất cả các pháp, ở trong một văn trì tất cả các văn, ở trong một nghĩa trì tất cả các nghĩa. Thu nhiếp vô lượng công đức, nên gọi là vô tận tạng.

- Thủ Lăng Nghiêm, hay Lăng Nghiêm, tức Thủ lăng già ma hay Lăng già ma (Suhamgama) có nghĩa là Kiện tướng, kiện hạnh, nhất thiết sự kính.

Đà la ni là tổng giữ mọi pháp tu thiên định, Thủ Lăng Nghiêm là đức hạnh bền chắc. Tất cả đều là sự ca ngợi Phật. Cả hai bài chú đều phản ánh chủ trương của Mật tông giữ Tam mật là Thân mật (bí

mật thân thể), Ngũ mật (bí mật lời nói) và ý mật (bí mật ý nghĩa). Để thực hiện Ngũ mật (còn gọi Khẩu mật) họ chú

12. *Từ điển Phật học Hán - Việt*. Tập 1, 1992.

13. *Phật học phổ thông khóa V*, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 282.

14. *Toàn thư*, tập 1, Nxb Khoa học xã hội, H. 1972, tr. 159, 167.

trọng các câu thần chú Đà la ni hay chú Lăng Nghiêm.

Lợi ích của tu Mật tôn (theo giáo lý nhà Phật) là:

- Thân ngồi trì chú, tay bắt ấn nên thân không làm các điều ác và thân nghiệp được thanh tịnh (thân mật).

Miệng đọc thần chú, nên miệng không nói bậy bạ, vì thế nghiệp khẩu được thanh tịnh (ngữ mật).

- Tâm tưởng nghĩ đến chú, nên tâm không nghĩ đến các điều tội lỗi - do đó ý nghiệp được thanh tịnh (ý mật).

Lợi ích của việc Trì chú là:

- Trì chú vãng sinh (đà la ni) sẽ được nhỏ sạch gốc rễ nghiệp chướng và được sinh về Tịnh độ.

- Trì chú Lăng Nghiêm sẽ được tiêu trừ các oan gia nghiệp chướng và tình ái dục vọng nặng nề từ nhiều kiếp trước.

- Trì chú Phổ âm sẽ tiêu trừ được phục thi cốt khí yêu quái trong gia trạch.

- Trì Ngũ bộ chú hay Đại bi thập chú sẽ được phúc huệ tăng long, tùy tâm hành giả cầu gì được nấy⁽¹⁵⁾.

Như vậy cột kinh Hoa Lư (bao gồm cột chùa Nhất Trụ và cột của Đỉnh Khuông Liễn) là 2 trong 4 loại trì chú của Mật tông. Loại trì chú Đà la ni là sự tiêu trừ

ng nghiệp chướng bản thân, loại trì chú thứ hai sẽ tiêu trừ nghiệp chướng oan gia và dục vọng tình ái kiếp trước. Loại trì chú thứ ba là diệt trừ kẻ thù bên ngoài ta, còn trì chú sau cùng là sự ban ân huệ cầu được ước thấy. Liệu rằng những cột kinh khác chưa được phát hiện ở Hoa Lư có hai loại trì chú sau không, vì cả bốn loại trì chú này có quan hệ mật thiết với nhau, khó tách rời nhau.

c. Về chủ nhân cột kinh chùa Nhất trụ:

Những cột kinh tìm thấy ven sông Hoàng Long, phía sau chùa Bà Ngò do Đỉnh Khuông Liễn, con trai trưởng của Đỉnh Tiên Hoàng dựng. Còn cột chùa Nhất Trụ do ai dựng?

Theo dòng lạc khoản còn lại không đầy đủ trên một mặt của cột kinh này, có dòng chữ “Đệ tử Thăng Bình hoàng đế...” thì có thể biết người dựng cột kinh là một ông vua có tôn hiệu Thăng Bình hoàng đế (Đỉnh Khuông Liễn trên các cột kinh của mình cũng tự nhận “đệ tử”, con em Phật, người theo đạo Phật). Các bộ sử cũ cho biết, sau khi đánh thắng quân Tống, Lê Đại Hành được bấy tôi dâng tôn hiệu là Minh cần ứng vận thần vũ thăng bình chí nhân quảng hiếu hoàng đế⁽¹⁶⁾. Ngờ rằng 4 chữ thăng bình hoàng đế chính là sự viết tắt tôn hiệu của Lê Đại Hành vào năm 981, cũng như sự viết tắt tước hiệu của Đỉnh Khuông Liễn trên cột kinh ven bờ sông Hoàng Long.

Một điều nữa là ngay dòng lạc khoản sau đó, có chữ Đại Thánh Minh hoàng đế, Lê tổ, cũng phải hiểu là ông vua tổ họ Lê có tôn hiệu Đại Thánh Minh, tức cũng là Lê Đại Hành. Chúng ta biết rằng cả vua Đỉnh Tiên Hoàng và Lê Ngoạ Triều, đều

có tôn hiệu là Đại Thắng (không phải Đại Thánh) minh hoàng đế. Vậy thì giữa Thắng Bình hoàng đế và Đại Thánh Minh hoàng đế có gì không ổn không?

15. *Toàn thư*, Nxb. KHXH, H. 1972, Tập 1, tr. 155, 171, 172, 183, 158.

16. *Toàn thư*, Nxb KHXH, H. 1972, Tập 1, tr. 159, 167.

Tạm thời hiểu là vào năm 981, Lê Đại Hành có tôn hiệu *Thắng Bình*, còn 16 năm sau ông đã được đổi thành *Đại Thánh Minh*. Lúc mới lên ngôi sau khi thắng ngoại xâm, có thể bề tôi nhà Lê ước mong một cuộc sống hoà bình yên ổn để xây dựng, làm ăn nên dâng vua tôn hiệu là "Thắng Bình", còn 16 năm sau, khi cuộc sống đang thịnh đạt (trong nước thì nhà vua xây dựng mới kinh đô Hoa Lư nguy nga tráng lệ, khởi đầu chính sách khuyến nông - cày tịch điền, dẹp yên các cuộc phản loạn, đối với bên ngoài, thì phía nam Chiêm thành khiếp sợ, phía bắc vua Tống trọng nể) bấy tôi, có lẽ vì vậy đã đổi, hoặc thêm tôn hiệu "Đại Thánh Minh hoàng đế", ông vua anh minh sáng suốt cao lớn như thần thánh. Tóm lại, đây là cột kinh do Lê Đại Hành dựng dâng nhà Phật.

4. Niên đại cột kinh

Theo dòng lạc khoản "... Lê tổ tự thừa thiên mệnh đại định sơn hà thập lục niên lai..." có thể biết cột kinh được dựng vào năm 995, 16 năm sau khi Lê Đại Hành lên ngôi. Như vậy, so với cột kinh Đinh Khuông Liễn dựng trong khoảng từ năm 973 - 979, thì cột kinh Lê Đại Hành dựng muộn hơn từ 16 - 22 năm.

III- MỘT SỐ NHẬN ĐỊNH VỀ PHẬT GIÁO VÀ KIẾN TRÚC PHẬT GIÁO THỜI ĐÌNH LÊ

1- Các cột kinh Đinh Khuông Liễn được phát hiện chủ yếu ở khu vực bến dò Trường Yên nơi còn dấu vết tảng đá của ngôi chùa tháp lớn, mà theo khẩu truyền địa phương, chính là ngôi chùa tháp Báo Thiên thời Đinh - Lê, cột kinh Đinh Khuông Liễn cúng cho chùa này chăng? Còn cột kinh Lê Đại Hành phải chăng cúng cho ngôi chùa ngày nay có tên là chùa Nhất Trụ? Nếu đúng thì thời Đinh chùa còn ở bên ngoài khu thành, nhưng sang thời Lê, chùa đã được đưa vào trong thành. Điều này chứng tỏ dưới triều Đinh - Lê, Phật giáo ngày càng được phát triển. Sử cũ cho biết năm 971, vua Đinh phong cho Ngô Chân Lưu hiệu Khuông Việt đại sư và chức vụ Tăng thống, Trương Ma ni làm Tăng lục đạo sĩ, Đặng Huyền Quang làm Sùng chân uy nghi (chức quan coi Đạo giáo). Sang thời Lê, sư Thuận được nhà vua dùng tiếp sứ giả, Ngô Khuông Việt thì làm thơ tặng Lý Giác, được vua tham khảo ý kiến về chính sự, và trong lần đánh Chiêm năm 982, ngoài binh sĩ, kĩ nữ, báu vật bị thu bắt, Lê Đại Hành còn bắt cả một nhà sư Thiên trúc. Ngay dưới thời Ngoại Triều, đã có lần róc mía trên đầu sư (một biểu hiện coi thường các sư) nhưng ông vua tàn bạo này cũng đã cho người sang nhà Tống xin kinh Đại tạng đem về truyền bá đạo Phật trong cõi Việt⁽¹⁷⁾.

Sử cũ mặc dù ghi việc xây nhà cửa cung điện dưới thời Đinh, Lê nhưng không hề ghi việc xây dựng chùa chiền (điều mà thời Lý sử ghi rất nhiều) cho

nên số lượng, qui mô, loại hình kiến trúc này ra sao, không được biết. Nhưng qua sử liệu vua Đinh, thừa hân vi từng ngủ đêm ở chùa Giao Thủy, được nhà sư đoán hậu vận⁽¹⁸⁾, thì có thể biết một ngôi chùa thời bấy giờ ngoài kiến trúc thờ tự, còn có các tầng phòng, nhà khách rộng rãi. Riêng kiến trúc thờ tự, theo bài kệ trên

17. *Toàn thư*. Nxb KHXH. H. 1972. Tập 1. tr. 155, 171, 172, 183, 158.

18. *Toàn thư*. Nxb KHXH. H. 1972. Tập 1. tr. 155, 171, 172, 183, 158.

cột kinh Khuông Liễn, đã thấy một thần điện đông đúc: nhiều Phật, lắm bồ tát, có Diêm Vương, thiên tướng, quỷ dạ xoa, thần thiện, ác...⁽¹⁹⁾. Phật điện đông đúc như vậy, dưới dạng tượng tròn bằng gỗ hay đất, hoặc hình vẽ, thì kiến trúc "chùa" này cũng đã khá lớn. Ngoài ra, trong và quanh chùa còn nhiều cây tháp đất nung từ 3, 5, 7 tầng, cao từ 20 - 70 cm⁽²⁰⁾, càng khẳng định chùa tháp thế kỉ X thời Đinh - Lê không nhỏ hẹp, chật chội, thậm chí khang trang, khi mà những nhà sư được triều đình trọng dụng, không chỉ trong việc đạo, mà "nhập tục" cả vào chính sự, khi mà những nhân vật chủ chốt của triều đình như Khuông Liễn với chức Kiểm hiệu thái sư Nam Việt Vương, như Lê Đại Hành, một ông vua, đều tự xưng là "đệ tử" nhà Phật, đều dựng cột kinh dâng nhà chùa. Chưa thể khẳng định chùa nào của thời kỳ này cũng có cột kinh, nhưng ít ra những ngôi chùa quan trọng ở khu kinh thành, ngoài chùa, ngoài tháp, còn có một loại kiến trúc khác là những cột kinh.

2. Như đã nói ở trên, Đinh Khuông Liễn dựng cột kinh ở chùa là nhằm "cứu rỗi" linh hồn sau những biến cố quan

trọng có liên quan tới chính mình. Còn Lê Đại Hành thì sao? Theo Phan Kế Bính thì Lê Hoàn lúc bé từng chơi thân với Phí Sĩ, Phan Ất và Từ Đạo Hạnh. Cha Đạo Hạnh là Từ Vinh, bị Đại Diên dùng phép phù thủy giết chết, nên ông muốn sang Ấn Độ học phép về báo thù, nhưng đường khó đi, bèn quay về vào hang núi Phật Tích học phép Ngũ giáo, ngày ngày tụng kinh Đại bi âm và niệm thần chú Đà la ni, mỗi ngày mười tám vạn lần mới thôi. Khi đạo pháp đã thành, ông dùng phép tàng hình đến đánh chết Đại Diên. Sau nữa, ông còn học tiếp và ngộ đạo, pháp lực cao cường, có thể sai khiến được rắn độc, hùm dữ⁽²¹⁾.

Bạn bè của Lê Hoàn chuộng kinh Mật tông và chú Đà la ni như vậy, thì Lê Hoàn dựng cột kinh tràng là điều dễ hiểu. Điều khác nhau về ý đồ dựng cột kinh giữa Khuông Liễn và Lê Đại Hành là ở chỗ ông vua này không vì sự "cứu rỗi" hay "sám hối" mà chính là ông ta tin vào sự linh nghiệm, thần diệu của thần chú, muốn tàng hình, sai khiến rắn độc hùm dữ. Nhưng qua đây, ta thấy đạo Phật, dòng Mật tông để bắt rễ được trong quần chúng, đã phải chấp nhận Đạo giáo, đạo phù thủy, sự linh dị, sấm vĩ...⁽²²⁾ vốn không phải là giáo lí nhà Phật, nhưng thịnh hành trong dân chúng thời bấy giờ, đến mức trong triều có cả chức Sùng chân uy nghi để trông coi Đạo giáo.

Từ cột kinh Đinh Khuông Liễn, cột kinh Lê Đại Hành đến chùa Một Cột ở kinh thành Thăng Long, có mối quan hệ thế nào? Về thời gian, đó là sự xuất hiện trước sau từ thời Đinh, qua Lê đến Lý. Về kiến trúc, tuy tên gọi giống nhau - nhất

trụ cũng tức một cột, nhưng các trụ cột ấy không giống nhau, nhất là phần trên

vương quyền bằng cách "bản địa hóa" thần quyền để mê hoặc nhân dân. Cho

19. Xem nội dung bài kệ trong cột kinh Khuông Liên.

20. Loại tháp này tìm thấy rất nhiều trong khu vực cổ đô Hoa Lư. Nó vừa là một vũ khí lợi hại của Thác Tháp Lý Thiên Vương, vừa là một biểu tượng Phật.

21. Phan Kế Bính. *Nam hải dị nhân liệt truyện*. Mạc lâm 1968, truyện Từ Đạo Hạnh, tr. 169.

22. Theo sử cũ, ở thế kỉ X, Đinh Bộ Lĩnh đã được một nhà sư đoán "hậu vận", rồi sên bò trên lá khoai thành chữ Thiên Tử, trâu ở Trường Yên tự nhiên đổi sừng, sấm vĩ báo trước các sự cố thay vua đổi chúa, Ngọa Triều ăn khế thấy hạt mặn...

các cột kinh Hoa Lư, phần trên thân cột là đầu tám cánh và hồ lô, còn trên cột chùa Diên Hựu là một đài sen, trong thờ tượng quan âm (cho nên tên gọi chính thức của nó là "Bạch liên đài"- đài sen trắng). Sở dĩ có sự khác nhau đó là vì một kiến trúc thể hiện Pháp (kinh phật), một kiến trúc thể hiện Phật (thờ Phật Quan âm) - Đó là hai trong "Tam bảo" của nhà Phật là Phật, Pháp, Tăng vậy.

Tóm lại, trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, cho đến những thế kỉ XVII - XVIII, tồn tại cơ bản là Thiên tông, nhưng sau đó thì Thiên chuyển sang Tịnh độ tông. Ở thời kì đầu, Thiên pha trộn yếu tố Mật tông, bởi vì Mật tông về giáo lí và nghi lễ có sự gần gũi với Đạo giáo đang rất thịnh hành ở Việt Nam. Cũng như sau đó, Tịnh độ tông có yếu tố Thiên. Sự pha trộn, tiếp thu lẫn nhau giữa các tông phái của đạo Phật và giữa đạo Phật với các tôn giáo khác, hay tín ngưỡng dân gian bản địa, trước hết là vì sự tồn tại và phát triển của chính Phật giáo ở Việt Nam, sau nữa, các thế lực phong kiến cũng muốn lợi dụng tôn giáo nói chung, đạo Phật nói riêng cho mục đích đề cao

nhờ Phật giáo trở thành quốc giáo dưới thời Đinh Lê, Lý - Trần, là dễ hiểu, và Đinh Khuông Liên, Lê Đại Hành chuộng đạo Phật, dựng cột kinh là lẽ tất nhiên. Nhưng cũng như Khuông Liên cầu mong cho vua cha và mình "Vĩnh trấn Thiên Nam, hàng kiêm lộc vị"⁽²³⁾ (mãi mãi trấn giữ trời Nam, đời đời được hưởng bổng lộc và quyền vị), hoặc Lê Ngọa Triều từng sai người sang nhà Tống xin kinh Đại tạng, thì trong những trường hợp cụ thể này, thần quyền đã không giúp ích gì cho vương quyền cả, dù là kinh Đại tạng, là thần chú Đà la ni, hay chú Lăng Nghiêm huyền diệu, khi mà trong đời thường, những nhân vật đó, như lời các sử thần xưa phê phán: giữ cửa canh đêm không cẩn thận, tin dùng người bất tín, hoặc sống độc ác, hoang dâm vô độ,... Dù vậy, việc phát hiện những cột kinh Hoa Lư đã nói trên đây, có ý nghĩa rất lớn, không chỉ về giá trị khảo cổ học, mà cả về việc làm sáng tỏ sự tồn tại, thăng trầm của một tôn phái pha tạp (Thiên tông) thuộc một tôn giáo lớn (Phật giáo) trong dài suốt bề dày lịch sử cổ trung đại Việt Nam./.

23. Xem phần lục khoản cột kinh Khuông Liễn.